

IBBS VÒNG II

Giám sát Kết hợp
Hành vi và Các chỉ số
Sinh học HIV/STI

Tóm lược kết quả tại
HÀ NỘI

Chương trình giám sát kết hợp hành vi và các chỉ số sinh học HIV/STI (IBBS) tại Việt Nam được thiết kế nhằm ước tính và theo dõi sự thay đổi về chiều hướng hiện nhiễm HIV, các nhiễm trùng lây truyền qua đường tình dục (STI), các hành vi nguy cơ và mức độ tiếp cận các chương trình can thiệp trong các nhóm quần thể nguy cơ cao nhiễm HIV. Đây là một trong những tài liệu nằm trong bộ báo cáo tóm tắt của IBBS. Giám sát được thực hiện qua hai vòng, vòng I vào năm 2006 và vòng II vào năm 2009.

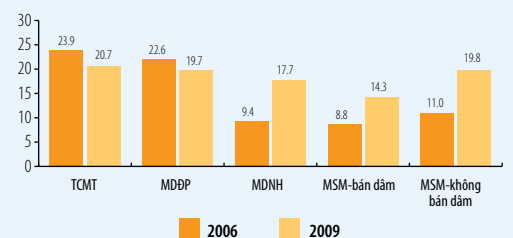


Tỷ lệ hiện nhiễm HIV cao trong tất cả các nhóm quần thể nghiên cứu tại Hà Nội

Năm 2009, tỷ lệ hiện nhiễm HIV tại Hà Nội cao nhất trong nhóm tiêm chích ma túy (TCMT) 20.7%, tiếp đến là nhóm phụ nữ mại dâm đường phố (MDĐP) 19.7% và phụ nữ mại dâm nhà hàng (MDNH) 17.7%. Tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới (MSM) năm 2009 là 14.3% đối với nhóm MSM bán dâm và 19.8% đối với nhóm MSM không bán dâm. Trong giai đoạn 2006 - 2009, tỷ lệ hiện nhiễm có thể đã giảm trong nhóm TCMT và MDĐP, nhưng lại tăng trong nhóm MDNH và MSM (Biểu đồ 1). Hà Nội có tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong nhóm MSM cao nhất trong số các tỉnh thành tham gia nghiên cứu. MSM đã từng tiêm chích ma túy có tỷ lệ hiện nhiễm HIV cao gấp đôi so với những MSM chưa từng tiêm chích ma túy.

Biểu đồ 1:

Tỷ lệ nhiễm HIV trong các nhóm quần thể nghiên cứu tại Hà Nội, IBBS 2006-2009

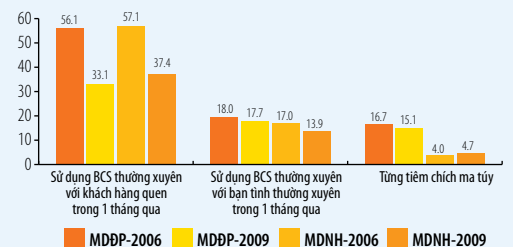


Tỷ lệ sử dụng bao cao su trong nhóm phụ nữ mại dâm năm 2009 thấp hơn so với năm 2006

Tỷ lệ sử dụng bao cao su (BCS) trong nhóm phụ nữ mại dâm (PNMD) tại Hà Nội ở IBBS vòng II thấp hơn so với vòng I. Chưa đến 50% MDĐP và MDNH báo cáo sử dụng BCS thường xuyên với bạn tình của họ, không phân biệt khách lạ, khách quen hay bạn tình thường xuyên. Ngoài ra, hành vi tiêm chích ma túy cũng diễn ra phổ biến ở mức 15.1% trong nhóm MDĐP và 4.7% trong nhóm MDNH (Biểu đồ 2).

Biểu đồ 2:

Hành vi nguy cơ trong nhóm PNMD tại Hà Nội, IBBS 2006-2009

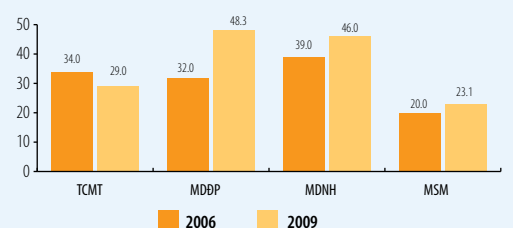


Người tiêm chích ma túy nhiễm HIV thường có hành vi tình dục không an toàn

Gần một nửa số người TCMT nhiễm HIV tại Hà Nội có quan hệ tình dục (QHTD) với PNMD. Thêm vào đó, Hà Nội cũng là một trong những tỉnh thành ghi nhận tỷ lệ QHTD không bảo vệ cao nhất giữa người TCMT nhiễm HIV với PNMD (19.4%). 37% nhóm đối tượng này cũng có QHTD không an toàn với bạn tình thường xuyên.

Biểu đồ 3:

Tỷ lệ đã từng xét nghiệm HIV và biết kết quả trong nhóm quần thể nghiên cứu tại Hà Nội, IBBS 2006-2009



Tỷ lệ xét nghiệm HIV tại Hà Nội ở mức thấp

Hà Nội có tỷ lệ người TCMT đã từng xét nghiệm HIV và biết kết quả thấp nhất so với các tỉnh thành nghiên cứu khác trong năm 2009. Đối với nhóm MSM, tỷ lệ này có sự gia tăng nhẹ, từ 20% năm 2006 lên 23.1% năm 2009. Chưa đến 50% PNMD báo cáo đã từng xét nghiệm và biết tình trạng nhiễm HIV của họ trong năm 2009 (Biểu đồ 3).

IBBS là sáng kiến được thực hiện bởi các cơ quan dưới đây:

Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung Ương (NIHE) | Cục Phòng chống HIV/AIDS (VAAC) | FHI 360 | Văn phòng Liên hợp quốc Phòng chống Ma túy và Tội phạm (UNODC) | Cơ quan Hợp tác và Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) | Trung tâm Dự phòng và Kiểm soát Bệnh tật Hoa Kỳ (CDC).

Ấn phẩm IBBS được xuất bản với sự hỗ trợ từ nhân dân Mỹ thông qua Cơ quan Hợp tác và Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và Trung tâm Dự phòng và Kiểm soát Bệnh tật Hoa Kỳ (CDC), các tác giả chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung và nội dung này không nhất thiết phản ánh quan điểm của USAID, CDC hay Chính phủ Hoa Kỳ.



Tóm lược kết quả tại HÀ NỘI

Chương trình giám sát kết hợp hành vi và các chỉ số sinh học HIV/STI (IBBS) được thực hiện tại Hà Nội vào năm 2006 và 2009. Người tham gia nghiên cứu được lựa chọn thông qua phương pháp chọn mẫu dây chuyền có kiểm soát đối với nhóm tiêm chích ma túy và nam quan hệ tình dục đồng giới, và phương pháp chọn mẫu cụm thời gian đối với nhóm phụ nữ mại dâm.

Các chỉ số chính	2006 (%)		2009 (%)	
Nhóm tiêm chích ma túy	(n= 296)		(n= 300)	
Tỷ lệ hiện nhiễm HIV	23.9%		20.7%	
Tỷ lệ hiện nhiễm Giang mai	0%		0%	
Tỷ lệ sử dụng chung bơm kim tiêm trong 6 tháng qua	11.7%		23.0%	
Tỷ lệ tiếp cận bơm kim tiêm sạch miễn phí trong 6 tháng qua	4.1%		23.3%	
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với PNMD trong 12 tháng qua	52.1% (n= 66)		60.6% (n= 142)	
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với bạn tình thường xuyên trong 12 tháng qua	16.1% (n= 168)		36.6% (n= 205)	
Tỷ lệ tiếp cận BCS miễn phí/giá rẻ trong 6 tháng qua	11.5% (n= 202)		22.6% (n= 208)	
Tỷ lệ xét nghiệm HIV tại Trung tâm Tư vấn và Xét nghiệm Tự nguyện (VCT) và nhận kết quả trong 12 tháng qua	9.0%		16.0%	
Nhóm phụ nữ mại dâm	MDNH (n= 2242)	MDĐP (n= 275)	MDNH (n=300)	MDĐP (n= 300)
Tỷ lệ hiện nhiễm HIV	9.4%	22.6%	17.7%	19.7%
Tỷ lệ hiện nhiễm Giang mai	0.5%	1.1%	2.0%	0.3%
Tỷ lệ hiện nhiễm Lậu	1.8%	1.8%	0.7%	0%
Tỷ lệ hiện nhiễm Chlamydia	8.5%	17.5%	3.0%	4.7%
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với khách lạ trong 1 tháng qua	81.2% (n= 197)	71.7% (n= 233)	45.2% (n= 280)	38.7% (n= 279)
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với khách quen trong 1 tháng qua	57.1% (n= 189)	56.1% (n= 230)	37.4% (n= 278)	33.1% (n= 264)
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với bạn tình thường xuyên trong 1 tháng qua	17.0% (n= 112)	18.0% (n= 122)	13.9% (n= 144)	17.7% (n= 112)
Tỷ lệ tự báo cáo có tiêm chích ma túy	4.0%	16.7%	4.7%	15.0%
Tỷ lệ tiếp cận BCS miễn phí/giá rẻ trong 6 tháng qua	60.3%	44.7%	60.3%	57.7%
Tỷ lệ xét nghiệm HIV tại Trung tâm Tư vấn và Xét nghiệm Tự nguyện (VCT) và nhận kết quả trong 12 tháng qua	3.6%	2.2%	24.3%	26.7%
Nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới (MSM)	n= 397		Bán dâm (n= 182)	Không bán dâm (n= 217)
Tỷ lệ hiện nhiễm HIV	9.4%		14.3%	19.8%
Tỷ lệ hiện nhiễm Giang mai	0.1%		0%	0.5%
Tỷ lệ hiện nhiễm Lậu	Sinh dục Trực tràng			
	3.1%		3.3%	1.4%
	11.5%		8.8%	8.8%
Tỷ lệ hiện nhiễm Chlamydia	Sinh dục Trực tràng			
	7.6%		3.8%	0.9%
	5.4%		7.2%	2.8%
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với khách hàng trong 1 tháng qua	4.3% (n= 94)		46.7% (n= 165)	0%
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với bạn tình tự nguyện nam trong 1 tháng qua	29.0% (n= 179)		33.9% (n= 62)	64.7% (n= 119)
Tỷ lệ tự báo cáo có tiêm chích ma túy	9.2%		5.5%	6.5%
Tỷ lệ tiếp cận BCS miễn phí/giá rẻ trong 6 tháng qua	40.5%		64.8%	47.5%
Tỷ lệ xét nghiệm HIV tại Trung tâm Tư vấn và Xét nghiệm Tự nguyện (VCT) và nhận kết quả trong 12 tháng qua	7.1%		21.8% (n= 399)	

IBBS Vòng II: Giám sát Kết hợp Hành vi và Các chỉ số Sinh học HIV/STI

Các kết quả này được tóm lược từ báo cáo toàn văn "Kết quả Giám sát Kết hợp Hành vi và các Chỉ số Sinh học HIV/STI (IBBS) tại Việt Nam, Vòng II – 2009". Toàn văn báo cáo được lưu trữ tại Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung Ương (NIHE) và Văn phòng FHI 360 tại Việt Nam.